Use case Quản lý chuyến bay

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục** | **Nội dung** |
| **Mã Use-case** | UC01 |
| **Tên** | Quản lý chuyến bay |
| **Tác nhân chính** | Quản lý hệ thống |
| **Mô tả** | Cho phép người quản lý thực hiện các thao tác như tạo, cập nhật, xóa/hủy chuyến bay, xem danh sách và chi tiết chuyến bay, cũng như tạo báo cáo và gửi thông báo đến hành khách. |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng đã đăng nhập với quyền “Quản lý hệ thống” |
| **Hậu điều kiện** | Dữ liệu chuyến bay được cập nhật hoặc thay đổi trong hệ thống |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Quản lý hệ thống truy cập vào chức năng “Quản lý chuyến bay”  2. Hệ thống hiển thị danh sách các chuyến bay  3. Quản lý chọn một trong các hành động:  – Tạo chuyến bay mới  – Cập nhật chuyến bay  – Hoãn / Hủy chuyến bay  – Xem chi tiết chuyến bay  – Tạo báo cáo chuyến bay  4. Hệ thống xử lý thao tác tương ứng và cập nhật cơ sở dữ liệu  5. Nếu có thay đổi ảnh hưởng hành khách, hệ thống gửi thông báo đến hành khách |
| **Luồng phụ/ngoại lệ** | – Nếu dữ liệu không hợp lệ, hiển thị thông báo lỗi  – Nếu không tìm thấy chuyến bay, thông báo cho người dùng  – Nếu thao tác không được phép do chuyến bay đã cất cánh hoặc bị hủy, hệ thống từ chối thao tác |
| **Include use-cases** | – Xem danh sách chuyến bay  – Xem chi tiết chuyến bay  – Tạo chuyến bay mới  – Cập nhật chuyến bay  – Xóa/Hủy chuyến bay |
| **Extend use-cases** | – Gửi thông báo đến hành khách (chỉ xảy ra khi cập nhật, hủy hoặc tạo chuyến bay mới có ảnh hưởng) |